BẢNG QUYỀN LỢI
BẢO HIỂM SỨC KHỎE BIC SMARTCARE

Đơn vị tính : VNĐ

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM		
I. PHẠM VI ĐỊA LÝ	**CHƯƠNG TRÌNH S-VIP**	**CHƯƠNG TRÌNH V-VIP**	**CHƯƠNG TRÌNH VIP**
Quyền lợi Tử vong, thương tật vĩnh viễn do tai nạn; mất tích	Toàn cầu	Châu Á	Đông Nam Á
Quyền lợi Tử vong, thương tật vĩnh viễn do bệnh, thai sản	Toàn cầu	Châu Á	Đông Nam Á
Quyền lợi Chi phí y tế do tai nạn (bao gồm chi phí vận chuyển cấp cứu)	Toàn cầu	Châu Á	Việt Nam
Quyền lợi Điều trị nội trú do bệnh, thai sản	Toàn cầu	Châu Á	Đông Nam Á
Quyền lợi Điều trị ngoại trú do bệnh, thai sản	Toàn cầu	Châu Á	Việt Nam
II. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM			
BẢO HIỂM TAI NẠN			
1. Tử vong, thương tật vĩnh viễn do tai nạn; mất tích	**2,000,000,000**	**1,000,000,000**	**800,000,000**
1.1. Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn; mất tích	Chi trả 100% Số tiền bảo hiểm	Chi trả 100% Số tiền bảo hiểm	Chi trả 100% Số tiền bảo hiểm
1.2. Tổn thương, thương tật cơ thể bộ phận vĩnh viễn do tai nạn	Chi trả theo tỷ lệ thương tật x Số tiền bảo hiểm	Chi trả theo tỷ lệ thương tật x Số tiền bảo hiểm	Chi trả theo tỷ lệ thương tật x Số tiền bảo hiểm
2. Chi phí y tế do tai nạn (bao gồm nội trú và ngoại trú): - Chi phí y tế chẩn đoán, điều trị thương tật cơ thể - Chi phí vận chuyển cấp cứu	**400,000,000**	**200,000,000**	**200,000,000**
3. Trợ cấp điều trị do tai nạn (bao gồm nội trú và ngoại trú)	**45,000,000**	**45,000,000**	**45,000,000**
Số tiền trợ cấp/ngày	500,000	500,000	500,000
Số ngày tối đa/năm	90	90	90
BẢO HIỂM SỨC KHỎE			
4. Điều trị nội trú do bệnh, thai sản	**400,000,000**	**200,000,000**	**200,000,000**
4.1. Giới hạn chi phí nằm viện/ngày	20,000,000	10,000,000	10,000,000
Số ngày nằm viện tối đa/năm	Không giới hạn		
4.2. Giới hạn chi phí phẫu thuật/năm	400,000,000	200,000,000	200,000,000
4.3. Giới hạn/năm cho các chi phí: - Chi phí trước khi nhập viện (trong vòng 30 ngày); - Chi phí sau khi ra viện (trong vòng 30 ngày); - Chi phí chăm sóc y tế tại nhà (30 ngày)	20,000,000	20,000,000	20,000,000
4.4. Giới hạn chi phí vận chuyển cấp cứu/năm	400,000,000	200,000,000	200,000,000
(*) Quyền lợi thai sản chỉ áp dụng nếu khách hàng lựa chọn gói bảo hiểm "gồm thai sản"			
5. Điều trị ngoại trú do bệnh, thai sản	**100,000,000**	**50,000,000**	**30,000,000**
5.1. Giới hạn chi phí cho mỗi lần khám, điều trị bệnh, thai sản (không gồm khám sức khỏe định kì)	15,000,000	7,500,000	6,000,000

Số lần khám tối đa/năm	Không giới hạn		
5.2. Giới hạn chi phí cho điều trị răng/năm	15,000,000	7,500,000	6,000,000
5.2.1. Giới hạn chi phí cạo vôi răng/năm	1,000,000	500,000	500,000
5.3. Giới hạn chi phí kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật y học cổ truyền (ngoại trú)/năm	30,000,000	30,000,000	18,000,000
- Giới hạn chi phí/ngày	500,000	500,000	300,000
- Số ngày tối đa/năm	60	60	60
5.4. Giới hạn chi phí điều trị bệnh phụ khoa, nam khoa/năm	10,000,000	5,000,000	5,000,000
6. Tử vong, thương tật vĩnh viễn do bệnh, thai sản; tử vong không rõ nguyên nhân	**500,000,000**	**200,000,000**	**200,000,000**
6.1. Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn do bệnh, thai sản; tử vong không rõ nguyên nhân	500,000,000 Chi trả 100% Số tiền bảo hiểm	200,000,000 Chi trả 100% Số tiền bảo hiểm	200,000,000 Chi trả 100% Số tiền bảo hiểm
6.2. Tổn thương, thương tật cơ thể bộ phận vĩnh viễn do bệnh, thai sản	500,000,000 Chi trả theo tỷ lệ thương tật x Số tiền bảo hiểm	200,000,000 Chi trả theo tỷ lệ thương tật x Số tiền bảo hiểm	200,000,000 Chi trả theo tỷ lệ thương tật x Số tiền bảo hiểm
(*) Trong mọi trường hợp, tổng số tiền chi trả cho quyền lợi bảo hiểm 6.1 và 6.2 không vượt quá số tiền bảo hiểm của quyền lợi bảo hiểm 6			
7. Trợ cấp trong thời gian điều trị nội trú do bệnh	**45,000,000**	**45,000,000**	**45,000,000**
Số tiền trợ cấp/ngày	500,000	500,000	500,000
Số ngày tối đa/năm	90	90	90
QUYỀN LỢI BỔ SUNG			
Trợ cấp mai táng	2,000,000	2,000,000	2,000,000
PHÍ BẢO HIỂM			
Phí bảo hiểm gồm quyền lợi thai sản	**47,529,000**	**25,173,000**	**16,124,000**
Phí bảo hiểm không gồm thai sản	**38,024,000**	**20,139,000**	**12,900,000**
THỜI GIAN CHỜ			
1. Quyền lợi bảo hiểm liên quan tới tai nạn	miễn thời gian chờ	miễn thời gian chờ	miễn thời gian chờ
2. Quyền lợi bảo hiểm liên quan bệnh đặc biệt			
- Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn	90 ngày	90 ngày	90 ngày
- Các quyền lợi còn lại	365 ngày	365 ngày	365 ngày
3. Quyền lợi bảo hiểm liên quan bệnh có sẵn	365 ngày	365 ngày	365 ngày
4. Quyền lợi bảo hiểm liên quan bệnh nghề nghiệp, bệnh thông thường	miễn thời gian chờ	miễn thời gian chờ	miễn thời gian chờ
5. Tử vong không rõ nguyên nhân	90 ngày	90 ngày	90 ngày
6. Quyền lợi bảo hiểm liên quan thai sản			
- Sinh con hoặc tử vong, thương tật vĩnh viễn	270 ngày	270 ngày	270 ngày
- Biến chứng thai sản	60 ngày	60 ngày	60 ngày